

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc quy định hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Điều 83 và 84 Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ “Về thi hành Luật Đất đai”;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2003 về phát triển nhà ở đô thị đến năm 2005 và 2010;

Căn cứ Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 29/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận “V/v công bố số liệu kiểm kê đất năm 2005”;

Căn cứ Nghị Quyết số 70 /2005/NQ-HĐND ngày 26/12 /2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VIII kỳ họp thứ 6 “V/v phê duyệt hạn mức giao đất cho hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở và hạn mức công nhận đất ở theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”;

Theo đề nghị của sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 1377/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2005.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại các Điều 83 và 84 Luật Đất đai năm 2003.

Điều 2. Quy định này áp dụng đối với các trường hợp sau:

1. Xác định diện tích công nhận đất ở trong thửa đất ở có vườn, ao thuộc khu dân cư theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003. 4

2. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết; thiết kế phân lô đất ở tại các khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở theo quy định tại Điều 79 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ "Về thi hành Luật Đất đai" đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

4. Thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ "Về thu tiền sử dụng đất".

5. Xác định diện tích công nhận đất ở trong thửa đất ở có vườn, ao thuộc khu dân cư để bồi thường khi thu hồi đất mà người đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nhưng đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

6. Xét miễn, giảm tiền sử dụng đất cho những người thuộc đối tượng được nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước.

7. Hạn mức tại Quy định này không áp dụng đối với trường hợp giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở quy định như sau:

1. Đất được giao tại các địa điểm đã có Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện giao đất theo lô đất đã quy hoạch.

2. Đất được giao, được công nhận tại các địa điểm chưa có quy hoạch phân lô chi tiết thì quy định theo từng địa bàn như sau:

a) Đối với các phường thuộc địa bàn thị xã Phan Rang - Tháp Chàm không quá 150 m<sup>2</sup>/mỗi lô đất ở.

b) Đối với thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước và thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải không quá 250 m<sup>2</sup>/mỗi lô đất ở.

c) Đối với thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn không quá 300 m<sup>2</sup>/mỗi lô đất ở.

d) Đối với các xã thuộc địa bàn thị xã Phan Rang - Tháp Chàm không quá 250 m<sup>2</sup>/mỗi lô đất ở.

e) Đối với các thôn, xã vùng đồng bằng không thuộc quy định tại các điểm a, b và d của Điều này không quá 300 m<sup>2</sup>/mỗi lô đất ở. 4/

f) Đối với các thôn, xã thuộc vùng trung du không thuộc quy định tại điểm c của Điều này không quá 400 m<sup>2</sup>/môt lô đất ở.

g) Đối với các thôn, xã thuộc vùng miền núi không quá 600 m<sup>2</sup>/môt lô đất ở.

*(Có Bảng phân loại thôn, xã vùng đồng bằng, trung du, miền núi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, kèm theo Quyết định này)*

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 và thay thế Quyết định số 2175/QĐ-KT ngày 29 tháng 7 năm 1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận “Về việc ban hành Bản quy định tạm thời mức diện tích đất hộ gia đình sử dụng làm đất ở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan có chức năng liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các Bộ: TNMT, XD, TC;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị;
- Lưu VT-CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

(để b/c)

Hoàng Thị Út Lan

**BẢNG: PHÂN LOẠI THÔN, XÃ THEO VÙNG ĐỒNG BẰNG, TRUNG DU, MIỀN NÚI**

(Kèm theo Bản quy định về Hạn mức đất giao cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở và Hạn mức công nhận đất ở theo số lượng nhân khẩu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận)

Khu vực	Các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện và thị xã					
	Thị xã P. Rang - T. Chăm	Huyện Ninh Phước	Huyện Ninh Hải	Huyện Thuận Bắc	Huyện Ninh Sơn	Huyện Bắc Ái
1. Đồng bằng	1. P.Đô Vinh 2. P.Bảo An  3. P.Phước Mỹ 4. P.Phủ Hà 5. P.Mỹ Hương 6. P.Đào Long 7. P.Kinh Dinh 8. P.Tân Tài 9. P.Mỹ Đông  10. P.Đông Hải  11. P.Thanh Sơn  12. P.Đài Sơn 13. Xã Thanh Hải 14. Xã Mỹ Hải 15. Xã Văn Hải	1. TT.Phước Dân 2. Xã An Hải  3. Xã Phước Hải 4. Xã Phước Dinh 5. Xã Phước Diêm 6. Xã Phước Hữu 7. Xã Phước Hải 8. Xã Phước Thuận 9. Xã Phước Vĩnh (thôn Phước An 1, thôn Mỹ Hoa, Phước An 2) 10. Xã Phước Nam (thôn Văn Lâm, Nho Lâm) 11. Xã Phước Thái (thôn Hoài Trung, Như Bình, Thủ Giao) 12. Xã Phước Minh 13. Xã Phước Sơn	1. TT.Khánh Hải 2. Xã Hộ Hải  3. Xã Tân Hải 4. Xã Xuân Hải 5. Xã Trí Hải 6. Xã Phương Hải 7. Xã Thanh Hải 8. Xã Nhơn Hải 9. Xã Vĩnh Hải (thôn Thái An, Vĩnh Hy)	1. Xã Bắc Phong 2. Xã Bắc Sơn (thôn Bình Nghĩa, Láng Me)	1. Xã Nhơn Sơn	
2. Trung du		1. Xã Phước Thuận (thôn Đa Trắng) 2. Xã Phước Nam (thôn Vu Bồn, Hiếu Thiên, Phước Lập và Suối Tam Lang)		1. Xã Lạc Hải  2. Xã Công Hải (thôn Hiệp Kiết)  3. Xã Bắc Sơn (thôn Xóm Bàng)	1. TT. Tân Sơn  2. Xã Mỹ Sơn  3. Xã Quảng Sơn  4. Xã Lương Sơn	
3. Miền núi		1. Xã Phước Vĩnh (thôn Bảo Vinh, Liên Sơn 1 và Liên Sơn 2) 2. Xã Phước Hà 3. Xã Nhị Hà 4. Xã Phước Thái (thôn Tà Dương)	1. Xã Vĩnh Hải (Thôn Cầu Gậy, thôn Hiệp Kiết)	1. Xã Công Hải (trừ thôn Hiệp Kiết)  2. Xã Phước Khánh 3. Xã Phước Chiến	1. Xã Lâm Sơn  2. Xã Hòa Sơn 3. Xã Ma Nổi	1. Xã Phước Đại  2. Xã Phước Trung 3. Xã Phước Hòa 4. Xã Phước Thắng  5. Xã Phước Bình 6. Xã Phước Thành 7. Xã Phước Tân 8. Xã Phước Tiên 9. Xã Phước Chính